

HƯỚNG DẪN QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NĂM 2024

Hướng dẫn này tập hợp sơ lược một số nội dung liên quan tính đến hết tháng 11/2024, giúp người lao động nước ngoài dễ hiểu về cách thức quyết toán cuối năm đối với thu nhập từ tiền công tiền lương tại Hàn Quốc. Bên cạnh đó, do những lý do vấn đề về dịch thuật, có thể có xuất hiện những nội dung khác nhau giữa văn bản dịch và văn bản gốc Luật Thuế thu nhập nên khi áp dụng quy định vào thực tế, đề nghị người nộp thuế tham khảo thêm tài liệu tiếng Hàn Quốc và nhận sự hỗ trợ từ cá nhân/tổ chức (công ty) có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn.

Mục lục

I . Quyết toán cuối năm thuế thu nhập từ tiền lương	· 1
II . Quyết toán thuế cuối năm cho người nước ngoài 3
1. Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú 3
2. Cơ chế tính thuế ngoại lệ đối với người nước 6
3. Quy định mới trong quyết toán kỳ tính thuế năm <u>2024</u>	... 8
4. Tính thuế trong quyết toán cuối năm 10
III . Ví dụ về tính thuế trong quyết toán cuối năm 26
1. Quyết toán cho trường hợp làm việc trên 1 năm (1) 26
2. Quyết toán cho trường hợp làm việc trên 1 năm (2) 27
IV . Câu hỏi thường gặp và trả lời 29
V . Dịch vụ đơn giản hóa quyết toán cuối năm 37

I . Quyết toán cuối năm thuế thu nhập cá nhân

□ Quyết toán cuối năm là gì

- Là cơ chế xác định số tiền thuế cuối cùng mà cá nhân và tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ thuế tại nguồn phải nộp đối với khoản thu nhập từ tiền công, tiền lương của người lao động (ngoại trừ người lao động làm công theo ngày) trong kỳ tính thuế (Ví dụ: 01/01~31/12/2024) dựa theo nội dung của “Tờ khai giảm trừ trên thu nhập · khấu trừ thuế” mà người lao động đã nộp.
 - Cá nhân và tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ thuế tại nguồn sẽ hoàn thuế cho người lao động số thuế đã nộp thừa khi tổng số thuế đã khấu trừ hàng tháng nhiều hơn số thuế được xác định khi quyết toán cuối năm và ngược lại, truy thu từ người lao động số thuế còn thiếu khi số thuế đã khấu trừ hàng tháng ít hơn số thuế sau quyết toán.
- Khi quyết toán cuối năm kết thúc, cá nhân và tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn có nghĩa vụ thông báo kết quả quyết toán bằng “Chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân” cho người lao động đến cuối tháng 2, trường hợp cá nhân cư trú chỉ có thu nhập từ tiền công, tiền lương đã nộp thuế thu nhập cá nhân dựa theo quyết toán cuối năm sẽ không cần kê khai xác nhận tổng mức thu nhập tính thuế cộng gộp.

☐ Thời điểm quyết toán cuối năm

① Quyết toán cuối năm cho trường hợp làm việc trên 1 năm

- Cá nhân và tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ thuế tại nguồn phải khấu trừ khoản thuế sau quyết toán cuối năm khi tiến hành chi trả thu nhập tháng 2 của năm tiếp theo kỳ tính thuế tương ứng (nếu không có lịch trả lương tới cuối tháng 2 hoặc không có thu nhập trong tháng 2 thì tiến hành khấu trừ vào ngày cuối cùng của tháng 2).

② Quyết toán cuối năm đối với người lao động đã nghỉ việc

- Trường hợp người lao động nghỉ việc thì quyết toán cuối năm được thực hiện khi chi trả tiền lương của tháng nghỉ việc. Do đó, người lao động nghỉ việc giữa chừng sẽ phải nộp tờ khai giảm trừ thu nhập chịu thuế·thuế và các chứng từ khác cho cá nhân/tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn trước khi nhận tiền lương của tháng nghỉ việc.

II. Quyết toán thuế cuối năm cho người nước ngoài

1. Cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú

□ Khái niệm cá nhân cư trú

- Về nguyên tắc, cá nhân có địa chỉ hoặc nơi cư trú trên 183 ngày tại Hàn Quốc được coi là cá nhân cư trú, các trường hợp không phải là cá nhân cư trú được coi là cá nhân không cư trú.
- Địa chỉ là nơi được coi là cơ sở cho đời sống sinh hoạt, được xác định dựa trên việc tổng hợp các yếu tố khách quan trong cuộc sống như có sống cùng gia đình và có tài sản tại Hàn Quốc hay không, nghề nghiệp v.v.,
- Nơi cư trú là một địa điểm cư trú trong một thời gian khá dài trong số các địa điểm ngoài địa chỉ nhưng không hình thành các mối quan hệ đời sống mật thiết như địa chỉ.

※ Trường hợp sau được coi là có địa chỉ tại Hàn Quốc.

- Khi có công việc cần lưu trú thông thường tại Hàn Quốc liên tục trên 183 ngày
- Khi có gia đình cùng sống tại Hàn Quốc, và được coi như sẽ cư trú liên tục trên 183 ngày khi xem xét tình trạng công việc và tài sản

□ Phạm vi nghĩa vụ nộp thuế

Cá nhân cư trú người nước ngoài	Cá nhân nước ngoài không cư trú
Toàn bộ thu nhập phát sinh trong và ngoài nước (thu nhập toàn cầu)	Thu nhập phát sinh tại Hàn Quốc

※ Người nước ngoài cư trú ngắn hạn

- Trong số cá nhân cư trú là người nước ngoài, cá nhân có tổng thời gian cư trú tại nơi ở thường xuyên (địa chỉ) hoặc tạm trú (nơi cư trú) tại Hàn Quốc từ 5 năm trở xuống tính từ ngày kỳ tính thuế kết thúc cho đến 10 năm trở về trước sẽ chỉ phải nộp thuế đối với thu nhập ngoài nước khi khoản thu nhập đó được chi trả tại Hàn Quốc hoặc được chuyển tiền về Hàn Quốc

So sánh quy định giảm trừ trên thu nhập và thuế cho người lao động nước ngoài

- Mức giảm trừ thu nhập chịu thuế • khấu trừ thuế áp dụng cho người lao động nước ngoài tương tự với người lao động là công dân Hàn Quốc (tuy nhiên, không bao gồm giảm trừ trên thu nhập từ tiền nộp vào tài khoản tiết kiệm mua nhà), phạm vi áp dụng khác nhau tùy theo người nước ngoài đó có phải là cá nhân cư trú hay không.

Phân loại		Giảm trừ trên thu nhập chịu thuế và thuế		Căn cứ pháp lý hoặc Điều khoản tham khảo
		Cá nhân cư trú	Cá nhân không cư trú	
Tổng tiền lương		Bao gồm thu nhập phát sinh tại nước ngoài	Thu nhập phát sinh tại Hàn Quốc	7. §119. Luật Thuế thu nhập cá nhân [Thu nhập phát sinh tại Hàn Quốc]
Giảm trừ thu nhập theo tiền lương		○	○	
Giảm trừ gia cảnh	Giảm trừ cơ bản (bản thân, vợ/chồng, gia đình phụ thuộc)	○	Chỉ áp dụng cho bản thân NLD	§122 Luật Thuế thu nhập cá nhân
	Giảm trừ thêm (người cao tuổi, người khuyết tật, phụ nữ v.v.)	○	Chỉ áp dụng cho bản thân NLD	§122 Luật Thuế thu nhập cá nhân
Giảm trừ khoản đóng bảo hiểm xã hội		○	○	
Giảm trừ thu nhập đặc biệt	Khoản đóng bảo hiểm y tế · bảo hiểm thất nghiệp	○	X	
	Giảm trừ các khoản mua/thuê nhà ở	○	X	
Giảm trừ thu nhập khác	Giảm trừ khoản tiết kiệm hưu trí v.v.	○	X	
	Giảm trừ khoản tiết kiệm hưu trí hộ kinh doanh cá thể · doanh nghiệp nhỏ	○	X	

	Giảm trừ các khoản tiết kiệm mua nhà	X	X	
	Giảm trừ khoản góp vốn vào hợp tác xã đầu tư khôi nghiệp vừa và nhỏ	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ khoản chi thẻ tín dụng	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ thu nhập người lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì việc làm	<input type="radio"/>	X	
	Khoản tiết kiệm chứng khoán đầu tư tập trung dài hạn	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ tiền vốn mua cổ phần trong công ty của người lao động thuộc Tổ chức người lao động có cổ phần	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Không hạn chế tình trạng cư trú, chỉ cần là thành viên tổ chức
Giảm trừ trên tiền thuế v.v.	Giảm trừ tiền thuế theo mức thu nhập từ tiền lương	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	
	Giảm trừ thuế con cái	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ thuế đặc biệt (tiền đóng bảo hiểm, chi phí y tế, giáo dục, khoản đóng góp từ thiện)	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ tiền thuê nhà hàng tháng	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ tiền thuế hiệp hội người nộp thuế	<input type="radio"/>	<input type="radio"/>	Áp dụng với trường hợp đã đăng ký thành viên Hiệp hội và khấu trừ tại nguồn
	Giảm trừ tiền thuế đã nộp tại nước ngoài	<input type="radio"/>	X	
	Giảm trừ trên tiền thuế tiêu chuẩn	<input type="radio"/>	X	

2. Cơ chế tính thuế ngoại lệ đối với người nước ngoài

1] Cơ chế tính thuế ngoại lệ đối với lao động người nước ngoài (áp thuế suất đồng nhất 19%)

- **(Khái quát)** Người lao động nước ngoài có thể nộp thuế bằng việc áp dụng thuế suất đồng nhất 19% thay cho thuế suất cơ bản (6~45%) cho khoản thu nhập từ tiền công và tiền lương (ngoại trừ trường hợp làm việc tại doanh nghiệp có quan hệ liên kết) nhận được tính từ ngày bắt đầu làm việc tại Hàn Quốc tới kỳ tính thuế trong vòng 20 năm. Trong trường hợp này, tất cả các khoản không đánh thuế, giảm trừ, miễn giảm, giảm trừ thuế được áp dụng khi tính theo thuế suất cơ bản sẽ không được áp dụng.
- **(Thủ tục nhận thuế suất ưu đãi)** Người lao động nước ngoài nếu muốn áp dụng cơ chế tính thuế ngoại lệ, khi quyết toán cuối năm phải nộp thêm Tờ khai đăng ký áp dụng quy định một mức thuế suất cho người lao động nước ngoài vào hồ sơ đăng ký giảm trừ thu nhập chịu thuế và thuế cho Hiệp hội người nộp thuế hoặc cá nhân và tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn.

* Quy định liên quan: Điều 18-2 Luật Kiểm soát Cơ chế Quản lý Thuế ngoại lệ

2] Miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia kỹ thuật người nước ngoài

- **(Khái quát)** Kỹ sư người nước ngoài thỏa mãn một số điều kiện nhất định được giảm 50% tiền thuế đối với khoản thu nhập từ tiền công, tiền lương phát sinh từ khi bắt đầu công việc tại Hàn Quốc tới tháng có ngày mà tổng thời gian làm

việc được tròn 10 năm*.

* Thời gian miễn giảm (10 năm) cũng được áp dụng cho kỹ sư, chuyên gia kỹ thuật nước ngoài chưa đủ 5 năm kể từ thời điểm bắt đầu làm việc tính đến ngày 1/11/2023.

- Người nước ngoài là chuyên gia kỹ thuật lao động tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực mũi nhọn về công nghiệp phụ trợ, nếu bắt đầu làm việc tại Hàn Quốc từ trước ngày 31/12/2022, được giảm 70% thuế thu nhập trên phần tiền công tiền lương trong vòng 3 năm đầu, được giảm 50% thuế thu nhập từ tiền công, tiền lương phát sinh từ ngày 1 của tháng sau đó cho tới thời điểm tròn 2 năm tiếp theo.
- **(Đối tượng lao động kỹ thuật được miễn giảm)** Là người không có quốc tịch Hàn Quốc ① cung cấp dịch vụ kỹ thuật theo hợp đồng cung cấp kỹ thuật (từ 300.000 USD trở lên) hoặc ② người có học vị cử nhân trở lên hệ khoa học tự nhiên hoặc kỹ thuật và tương tự, đã có trên 5 năm kinh nghiệm làm việc tại cơ quan nghiên cứu nước ngoài, hiện đang làm việc với tư cách nghiên cứu viên tại các Trung tâm nghiên cứu thuộc doanh nghiệp trong nước Hàn Quốc.
- **(Thủ tục ưu đãi)** Nộp 「Tờ khai xin miễn giảm thuế thu nhập cá nhân từ tiền công, tiền lương lên Chi cục Thuế có thẩm quyền thông qua cá nhân hoặc tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn (công ty) cho tới trước ngày 10 của tháng tiếp theo tháng có ngày làm việc.

* Quy định liên quan: Điều 18 Luật Kiểm soát Cơ chế ngoại lệ trong Quản lý Thuế ngoại lệ

3. Điểm mới trong quy định về Thuế thu nhập cá nhân năm 2024

1) Nâng mức thu nhập không đánh thuế từ trợ cấp thai sản và nuôi con

- Nâng mức trợ cấp thai sản và nuôi con không tính thuế từ thu nhập tiền công, tiền lương lên 200.000 won trở xuống/tháng (trước đây là 100.000 won trở xuống)

2) Tăng mức giảm trừ con cái phụ thuộc trực tiếp trên tiền thuế và thêm đối tượng con/cháu được giảm trừ

- Hai con giảm 350.000 won (trước đây là 300.000), trên 3 con giảm 350.000 won/năm và giảm thêm 300.000 won/năm cho mỗi con từ con thứ ba trở đi (trước đây giảm 300.000 won và giảm thêm 300.000 won/năm cho mỗi con từ con thứ ba trở đi), đưa thêm cháu vào đối tượng giảm trừ

3) Nâng mức giảm trừ tiền thuê nhà theo tháng

- Nâng tiêu chuẩn thu nhập thuộc đối tượng giảm trừ trực tiếp lên tiền thuế đối với khoản tiền thuê nhà lên mức tổng thu nhập tiền công, tiền lương là 80.000.000 won (trường hợp thu nhập cộng gộp nhiều nguồn là 70.000.000 won) (Trước đây là tổng thu nhập từ tiền công tiền lương 70.000.000 won (trường hợp thu nhập cộng gộp từ nhiều nguồn 60.000.000 won)
- Nâng hạn mức giảm trừ trực tiếp trên tiền thuế đối với khoản tiền thuê nhà là 10.000.000 won (trước đây là 7.500.000 won)

4) Gia hạn thời hạn áp dụng quy định đặc biệt về áp dụng thuế

suất đồng nhất cho người lao động nước ngoài

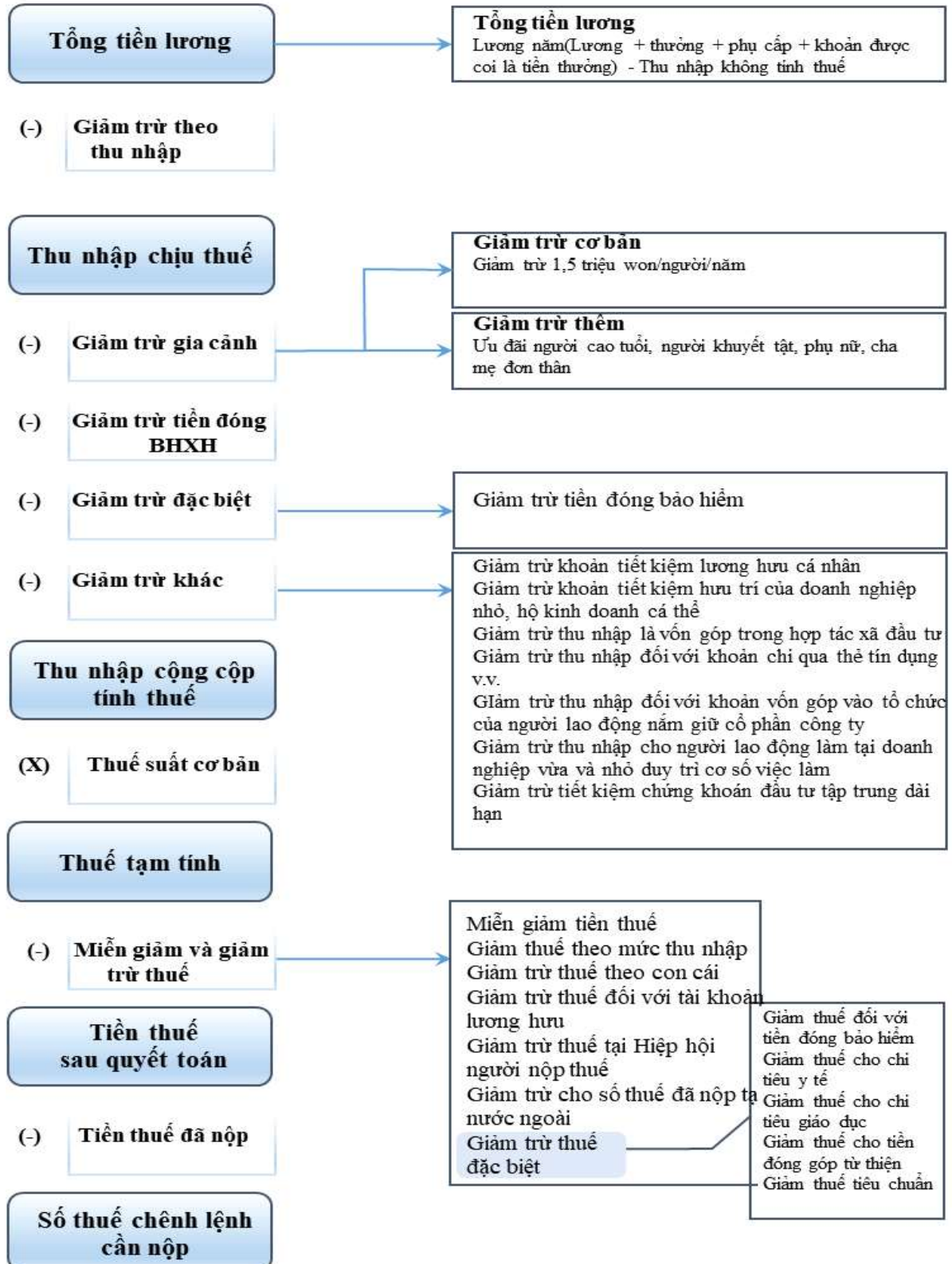
- Thời hạn áp dụng thuế suất đồng nhất cho người lao động nước ngoài được gia hạn tới 31/12/2026 (trước đây là 31/12/2023)
- Loại trừ khoản lợi ích từ việc công ty cấp ký túc xá cho người lao động nước ngoài được áp dụng mức thuế suất đồng nhất ra khỏi thu nhập từ thu nhập tiền lương.

5] Bổ sung điều kiện về loại bỏ áp dụng quy định riêng cho người lao động và công nhân kỹ thuật người nước ngoài

- Thời điểm xác định quan hệ liên kết được tính rộng ra trong thời gian lao động (trước đây là tính theo ngày kết thúc của năm tính thuế)

4. Tính thuế trong quyết toán thuế thu nhập cuối năm

Quy trình quyết toán cuối năm



☐ Xác định thu nhập chịu thuế và tính thuế

Phân loại	Nội dung												
Tổng thu nhập cá nhân trong năm	Là tất cả các khoản tiền mà người lao động nhận được khi làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng có giá trị tương đương (ngoại trừ thu nhập từ lao động theo ngày)												
Thu nhập không chịu thuế	Là thu nhập không bao gồm trong thu nhập từ tiền công Ví dụ) Tiền hỗ trợ tự lái (200.000 won/tháng), tiền học phí, tiền ăn, thu nhập phát sinh tại nước ngoài (1 triệu won/tháng), khoản hỗ trợ cho con dưới 6 tuổi (200.000 won/tháng) v.v.												
Tổng tiền lương	Thu nhập là đối tượng chịu thuế (=Thu nhập hàng năm - thu nhập không chịu thuế)												
(-) Giảm trừ theo thu nhập	<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tổng tiền lương</th> <th>Khoản giảm trừ thu nhập</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 5 triệu won trở xuống</td> <td>Tổng tiền lương × 70%</td> </tr> <tr> <td>Trên 5 triệu won tới 15 triệu won</td> <td>3,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 5 triệu won × 40%)</td> </tr> <tr> <td>Trên 15 triệu won tới 45 triệu won</td> <td>7,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 15 triệu won × 15%)</td> </tr> <tr> <td>Trên 45 triệu won tới 100 triệu won</td> <td>12 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 45 triệu won × 5%)</td> </tr> <tr> <td>Trên 100 triệu won</td> <td>14,75 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 100 triệu won × 2%)</td> </tr> </tbody> </table> <p>※ Định mức giảm trừ: 20.000.000 won</p>	Tổng tiền lương	Khoản giảm trừ thu nhập	Từ 5 triệu won trở xuống	Tổng tiền lương × 70%	Trên 5 triệu won tới 15 triệu won	3,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 5 triệu won × 40%)	Trên 15 triệu won tới 45 triệu won	7,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 15 triệu won × 15%)	Trên 45 triệu won tới 100 triệu won	12 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 45 triệu won × 5%)	Trên 100 triệu won	14,75 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 100 triệu won × 2%)
Tổng tiền lương	Khoản giảm trừ thu nhập												
Từ 5 triệu won trở xuống	Tổng tiền lương × 70%												
Trên 5 triệu won tới 15 triệu won	3,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 5 triệu won × 40%)												
Trên 15 triệu won tới 45 triệu won	7,5 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 15 triệu won × 15%)												
Trên 45 triệu won tới 100 triệu won	12 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 45 triệu won × 5%)												
Trên 100 triệu won	14,75 triệu won + (khoản thu nhập còn lại sau 100 triệu won × 2%)												
Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân	(= Tổng tiền lương - mức giảm trừ theo thu nhập)												
(-) Giảm trừ gia cảnh	<p>① Giảm trừ cơ bản : Giảm trừ 1,5 triệu won/ 1 người mỗi năm cho bản thân, vợ/chồng và gia đình phụ thuộc (số tiền thu nhập hàng năm dưới 1 triệu won, trường hợp chỉ có thu nhập từ tiền công, tiền lương thì tổng tiền công này dưới 5 triệu won/năm)</p> <p>○ Điều kiện độ tuổi (Vợ hoặc chồng và người khuyết tật không áp dụng điều kiện về độ tuổi)</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thực hệ bề trên (bố mẹ ông bà)</th> <th>Thực hệ bề dưới (con, cháu)</th> <th>Anh chị em</th> <th>Trẻ em ủy thác nuôi dưỡng</th> <th>Người nhận trợ cấp</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Đủ 60 tuổi trở lên (Sinh trước 31/12/1964)</td> <td>Từ 20 tuổi trở xuống (Sinh sau 1/1/2004)</td> <td>20 tuổi trở xuống 60 tuổi trở lên</td> <td>Trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em được ủy thác trên 6 tháng trong kỳ tính thuế</td> <td>Không hạn chế</td> </tr> </tbody> </table> <p>② Giảm trừ thêm : Người được giảm trừ cơ bản được</p>	Thực hệ bề trên (bố mẹ ông bà)	Thực hệ bề dưới (con, cháu)	Anh chị em	Trẻ em ủy thác nuôi dưỡng	Người nhận trợ cấp	Đủ 60 tuổi trở lên (Sinh trước 31/12/1964)	Từ 20 tuổi trở xuống (Sinh sau 1/1/2004)	20 tuổi trở xuống 60 tuổi trở lên	Trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em được ủy thác trên 6 tháng trong kỳ tính thuế	Không hạn chế		
Thực hệ bề trên (bố mẹ ông bà)	Thực hệ bề dưới (con, cháu)	Anh chị em	Trẻ em ủy thác nuôi dưỡng	Người nhận trợ cấp									
Đủ 60 tuổi trở lên (Sinh trước 31/12/1964)	Từ 20 tuổi trở xuống (Sinh sau 1/1/2004)	20 tuổi trở xuống 60 tuổi trở lên	Trực tiếp nuôi dưỡng trẻ em được ủy thác trên 6 tháng trong kỳ tính thuế	Không hạn chế									

giảm trừ thêm nếu thuộc các trường hợp sau

Đối tượng giảm trừ	Ưu đãi cao tuổi (Từ 70 tuổi trở lên)	Người khuyết tật	Phụ nữ (người phụ thuộc/đã kết hôn) ¹⁾	Cha mẹ đơn thân ²⁾
Khoản giảm trừ	1 triệu won	2 triệu won	500.000 won	1 triệu won

1) Trường hợp cá nhân cư trú có tổng thu nhập cộng gộp 30 triệu won trở xuống là phụ nữ có chồng hoặc không có chồng và có gia đình phụ thuộc thuộc đối tượng giảm trừ cơ bản

2) Trường hợp người lao động không có bạn đời nhưng có con đẻ hoặc con nuôi thuộc đối tượng giảm trừ cơ bản

※ Không áp dụng kết hợp giảm trừ cả hai trường hợp cha mẹ đơn thân và phụ nữ (Nếu thuộc cả hai trường hợp thì áp dụng giảm trừ cha mẹ đơn thân)

(-) Giảm trừ khoản đóng bảo hiểm xã hội

Khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc (bảo hiểm lương hưu quốc dân, bảo hiểm lương hưu cho công chức v.v.) mà bản thân người lao động phải đóng: giảm trừ toàn bộ

(-) Giảm trừ thu nhập đặc biệt

Giảm trừ khoản đóng bảo hiểm: giảm trừ toàn bộ

- Tiền đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm an dưỡng dài hạn cho người cao tuổi

Giảm trừ tiền nhà

- Giảm trừ 40% khoản trả nợ gốc tiền vay thuê nhà: định mức 4 triệu won/năm

- Giảm trừ tiền trả lãi tiền vay thế chấp nhà dài hạn: định mức từ 6 ~ 20 triệu won/năm

Phân loại	Nội dung								
(-) Các khoản giảm trừ thu nhập chịu thuế khác	<p>① Giảm trừ khoản tiết kiệm hưu trí cá nhân (đối tượng tham gia bảo hiểm trước ngày 31/12/2000)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm trừ 40% số tiền nộp tiết kiệm hưu trí cá nhân (cao nhất 720.000 won/năm) <p>② Giảm trừ khoản tiết kiệm hưu trí hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ (giảm trừ theo chương trình “Chiếc Ô Vàng”)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản tiền nộp tiết kiệm hưu trí hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ 								
	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="494 750 877 784">Thu nhập chịu thuế</th> <th data-bbox="877 750 1380 784">Định mức giảm trừ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="494 784 877 817">40 triệu won trở xuống</td> <td data-bbox="877 784 1380 817">5 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 817 877 851">40 triệu won ~ 100 triệu won</td> <td data-bbox="877 817 1380 851">3 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 851 877 884">Trên 100 triệu won</td> <td data-bbox="877 851 1380 884">2 triệu won</td> </tr> </tbody> </table>	Thu nhập chịu thuế	Định mức giảm trừ	40 triệu won trở xuống	5 triệu won	40 triệu won ~ 100 triệu won	3 triệu won	Trên 100 triệu won	2 triệu won
	Thu nhập chịu thuế	Định mức giảm trừ							
	40 triệu won trở xuống	5 triệu won							
	40 triệu won ~ 100 triệu won	3 triệu won							
Trên 100 triệu won	2 triệu won								
<p>③ Giảm trừ khoản góp vốn vào hợp tác xã đầu tư khởi nghiệp vừa và nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi đầu tư vào hợp tác xã đầu tư khởi nghiệp vừa và nhỏ hoặc doanh nghiệp mạo hiểm, đối tượng nộp thuế được chọn 1 năm được giảm trừ kể từ kỳ tính thuế có thời điểm đầu tư góp vốn đến kỳ tính thuế có thời điểm mà việc đầu tư này được tròn 2 năm 									
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="494 1243 790 1276">Phân loại</th> <th data-bbox="790 1243 1077 1276">Khoản tiền được giảm trừ</th> <th data-bbox="1077 1243 1380 1276">Mức giảm trừ cao nhất</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="494 1276 790 1377">Khoản đầu tư góp vốn sau năm 2020</td> <td data-bbox="790 1276 1077 1377">10% khoản vốn góp (100%, 70, 30%)*</td> <td data-bbox="1077 1276 1380 1377">50% tổng thu nhập chịu thuế cộng gộp Đối với ủy thác đầu tư mạo hiểm là 3 triệu won</td> </tr> </tbody> </table>	Phân loại	Khoản tiền được giảm trừ	Mức giảm trừ cao nhất	Khoản đầu tư góp vốn sau năm 2020	10% khoản vốn góp (100%, 70, 30%)*	50% tổng thu nhập chịu thuế cộng gộp Đối với ủy thác đầu tư mạo hiểm là 3 triệu won			
Phân loại	Khoản tiền được giảm trừ	Mức giảm trừ cao nhất							
Khoản đầu tư góp vốn sau năm 2020	10% khoản vốn góp (100%, 70, 30%)*	50% tổng thu nhập chịu thuế cộng gộp Đối với ủy thác đầu tư mạo hiểm là 3 triệu won							
<p>* Trường hợp đầu tư trực tiếp vào các doanh nghiệp mạo hiểm, nếu khoản đầu tư là từ 30 triệu won trở xuống được giảm trừ bằng 100%, 50 triệu won trở xuống bằng 70%, trên 50 triệu won bằng 30% tỷ lệ trên.</p>									
<p>④ Giảm trừ đối với khoản chi qua thẻ tín dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoản chi qua thẻ tín dụng (bao gồm 10% chi phí mua xe cũ): giảm trừ từ 15 ~ 80% trên tổng số khoản chi đã sử dụng qua thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ, hóa đơn thanh toán tiền mặt nếu tổng chi này vượt quá 25% của tổng tiền lương <p>(Quy định mới) Giảm trừ thu nhập chịu thuế đối với khoản tăng chi tiêu qua thẻ tín dụng năm 2024</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng tỷ lệ giảm trừ 10% đối với phần chi tiêu tăng vượt 5% so với năm 2023 (Hạn mức giảm trừ: 1.000.000 won) 									

- **(Định mức giảm trừ)** định mức 3.000.000 won đối với tổng tiền lương từ 70 triệu won trở xuống, 2.000.000 won đối với tổng tiền lương lớn hơn 70 triệu won. Đối với trường hợp vượt định mức giảm trừ thì sẽ được giảm trừ thêm một khoản là số tiền nhỏ hơn hoặc bằng (hạn mức 3.000.000 won/năm) giữa phần vượt định mức và tổng giá trị cộng gộp giảm trừ được tính dựa trên tỷ lệ giảm trừ của các chi tiêu tại chợ truyền thống, sử dụng giao thông công cộng, chi tiêu cho sách báo · xem biểu diễn · bảo tàng · triển lãm mỹ thuật (đối tượng có tổng tiền lương dưới 70 triệu won)

* Đối tượng có tổng thu nhập trên 70 triệu won có hạn mức giảm trừ thêm không quá 2 triệu won/năm

⑤ Giảm trừ khoản vốn góp vào Tổ chức người lao động có cổ phần công ty

- Là khoản tiền mà thành viên của Tổ chức người lao động có cổ phần công ty góp vốn vào tổ chức để mua cổ phần công ty (Định mức giảm trừ là 4 triệu won/năm, doanh nghiệp mạo hiểm là 15 triệu won)

⑥ Giảm trừ thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì công ăn việc làm cho người lao động

- Giảm trừ 50% (mức giảm trừ cao nhất là 10 triệu won/năm) số tiền lương bị cắt giảm (tổng tiền lương năm của năm tính thuế trước đó - tổng tiền lương năm của năm tính thuế hiện tại)

⑦ Giảm trừ thu nhập đối với khoản tiết kiệm chứng khoán đầu tư tập trung dài hạn

- Người lao động tham gia tiết kiệm có tổng tiền lương trong kỳ tính thuế trước đó từ 50 triệu won trở xuống (từ 80 triệu won trở xuống trong kỳ tính thuế hiện tại) được giảm trừ 40% (định mức 2,4 triệu won/năm) khoản tiền đã nộp (định mức 6 triệu won/năm)

Phân loại	Nội dung																		
(+) Khoản tiền vượt định mức giảm trừ cao nhất	Tổng các khoản giảm trừ thu nhập thuộc đối tượng cộng gộp định mức* nếu vượt quá 25 triệu won thì khoản tiền vượt quá đó sẽ được tính vào thu nhập tính thuế * Giảm trừ khoản tiết kiệm hưu trí của hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp nhỏ, Giảm trừ tiền vốn mua cổ phần trong công ty của người lao động thuộc Tổ chức người lao động có cổ phần, giảm trừ đối với khoản chi thẻ tín dụng, Giảm trừ thu nhập cho người lao động trong doanh nghiệp vừa và nhỏ duy trì công ăn việc làm cho người lao động, Khoản tiết kiệm chứng khoán đầu tư tập trung dài hạn																		
Xác định thu nhập tính thuế	(= Khoản thu nhập từ tiền công - giảm trừ gia cảnh - giảm trừ bảo hiểm xã hội - giảm trừ đặc biệt - giảm trừ khác + khoản tiền vượt định mức giảm trừ)																		
Thuế tạm tính	○ Tính bằng cách nhân thu nhập tính thuế với thuế suất <table border="1" data-bbox="494 813 1394 1462"> <thead> <tr> <th data-bbox="494 813 901 862">Mức thu nhập tính thuế</th> <th data-bbox="901 813 1394 862">Thuế suất cơ bản</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="494 862 901 911">Từ 14 triệu won trở xuống</td> <td data-bbox="901 862 1394 911">Thu nhập tính thuế × 6%</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 911 901 983">Trên 14 triệu won ~ 50 triệu won</td> <td data-bbox="901 911 1394 983">840.000 won + 15% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 14 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 983 901 1055">Trên 50 triệu won ~ 88 triệu won</td> <td data-bbox="901 983 1394 1055">6,24 triệu won + 24% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 50 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 1055 901 1153">Trên 88 triệu won ~ 150 triệu won</td> <td data-bbox="901 1055 1394 1153">15,36 triệu won + 35% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 88 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 1153 901 1225">Trên 150 triệu won ~ 300 triệu won</td> <td data-bbox="901 1153 1394 1225">37,06 triệu won + 38% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 150 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 1225 901 1323">Trên 300 triệu won ~ 500 triệu won</td> <td data-bbox="901 1225 1394 1323">94,06 triệu won + 40% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 300 triệu won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 1323 901 1395">Trên 500 triệu won ~ 1 tỷ won</td> <td data-bbox="901 1323 1394 1395">174,06 triệu won + (42% của vượt quá 500 triệu won)</td> </tr> <tr> <td data-bbox="494 1395 901 1462">Trên 1 tỷ won</td> <td data-bbox="901 1395 1394 1462">384.06 triệu won + (45% của phần vượt quá 1 tỷ won)</td> </tr> </tbody> </table>	Mức thu nhập tính thuế	Thuế suất cơ bản	Từ 14 triệu won trở xuống	Thu nhập tính thuế × 6%	Trên 14 triệu won ~ 50 triệu won	840.000 won + 15% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 14 triệu won	Trên 50 triệu won ~ 88 triệu won	6,24 triệu won + 24% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 50 triệu won	Trên 88 triệu won ~ 150 triệu won	15,36 triệu won + 35% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 88 triệu won	Trên 150 triệu won ~ 300 triệu won	37,06 triệu won + 38% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 150 triệu won	Trên 300 triệu won ~ 500 triệu won	94,06 triệu won + 40% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 300 triệu won	Trên 500 triệu won ~ 1 tỷ won	174,06 triệu won + (42% của vượt quá 500 triệu won)	Trên 1 tỷ won	384.06 triệu won + (45% của phần vượt quá 1 tỷ won)
Mức thu nhập tính thuế	Thuế suất cơ bản																		
Từ 14 triệu won trở xuống	Thu nhập tính thuế × 6%																		
Trên 14 triệu won ~ 50 triệu won	840.000 won + 15% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 14 triệu won																		
Trên 50 triệu won ~ 88 triệu won	6,24 triệu won + 24% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 50 triệu won																		
Trên 88 triệu won ~ 150 triệu won	15,36 triệu won + 35% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 88 triệu won																		
Trên 150 triệu won ~ 300 triệu won	37,06 triệu won + 38% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 150 triệu won																		
Trên 300 triệu won ~ 500 triệu won	94,06 triệu won + 40% của phần thu nhập còn lại sau khi đã trừ đi 300 triệu won																		
Trên 500 triệu won ~ 1 tỷ won	174,06 triệu won + (42% của vượt quá 500 triệu won)																		
Trên 1 tỷ won	384.06 triệu won + (45% của phần vượt quá 1 tỷ won)																		

Phân loại	Nội dung
<p style="text-align: center;">(-) Miễn giảm thuế</p>	<p>① Miễn giảm theo hiệp định giữa các chính phủ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo hiệp định liên chính phủ, cá nhân người nước ngoài được biệt phái công tác sang Hàn Quốc và nhận lương từ một hoặc cả hai phía chính phủ sẽ được miễn giảm từ tiền thuế tạm tính một số tiền tương đương với khoản thu nhập nhận được từ công việc đó <p>② Miễn giảm cho giáo viên dạy tiếng bản ngữ</p> <ul style="list-style-type: none"> - (Khái quát) Giáo viên bản ngữ là cá nhân cư trú của quốc gia có Điều khoản miễn thuế đối với giáo viên (giảng viên) trong hiệp định thuế đã ký với Hàn Quốc nếu thỏa mãn các điều kiện miễn thuế theo Điều khoản này sẽ được miễn giảm thuế đối với khoản thu nhập nhận được từ việc nghiên cứu hoặc giảng dạy trong thời gian nhất định (thường là 2 năm) - (Đăng ký xin miễn giảm) Người lao động muốn nhận ưu đãi miễn giảm cần nộp cho tổ chức chi trả thu nhập là cơ sở giáo dục đang làm việc 3 bộ hồ sơ xin miễn giảm không tính thuế thu nhập (Mẫu hồ sơ số 29-2-(3) phụ lục Thông tư hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập cá nhân) theo hiệp định thuế, có đính kèm với giấy tờ chứng nhận là công dân cư trú được cấp bởi nước ký kết, cơ sở giáo dục sẽ nộp lại 2 bộ hồ sơ lên chi cục thuế có thẩm quyền tới ngày 9 của tháng tiếp theo tháng có thời điểm trả thu nhập. <p>③ Miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho chuyên gia kỹ thuật người nước ngoài</p> <ul style="list-style-type: none"> - (Khái quát) Chuyên gia kỹ thuật người nước ngoài được giảm 50% số thuế thu nhập tạm tính phát sinh trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu công việc (chỉ áp dụng với trường hợp bắt đầu trước 31/12/2026 tới tháng có ngày mà tổng thời gian làm việc được 10 năm. <p>④ Miễn giảm thuế thu nhập cho cá nhân làm việc tại doanh nghiệp vừa và nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - (Khái quát) Cá nhân là thanh niên trong độ tuổi trên 15 đến 34 tuổi, người trên 60 tuổi tính đến ngày ký kết hợp đồng

lao động, người khuyết tật, phụ nữ bị gián đoạn thời gian lao động nếu làm việc trong doanh nghiệp vừa và nhỏ mà doanh nghiệp này đáp ứng một số điều kiện nhất định sẽ được miễn giảm 70% (thanh niên là 90%) thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập phát sinh từ ngày bắt đầu công việc tính đến tháng có ngày mà thời gian làm việc được tròn 3 năm (với thanh niên là 5 năm) (Định mức miễn giảm hàng năm là 2,0 triệu won)

- **(Người lao động không thuộc đối tượng miễn giảm)** người lao động làm việc theo ngày, thành viên ban lãnh đạo, cổ đông lớn nhất, người góp vốn lớn nhất (người đại diện doanh nghiệp nếu là cá nhân kinh doanh) và vợ hoặc chồng v.v., người được xác nhận là cả bản thân và công ty đều không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
- **(Ngành nghề không thuộc đối tượng miễn giảm)** ngành dịch vụ chuyên môn như pháp lý, kế toán, thuế v.v., ngành tài chính tín dụng và bảo hiểm v.v.
- **(Đăng ký xin miễn giảm)** Người lao động nộp “Đơn đăng ký miễn giảm thuế thu nhập cá nhân cho người làm việc tại doanh nghiệp vừa và nhỏ” (Mẫu hồ sơ số 11, phụ lục Thông tư hướng dẫn Luật Kiểm soát Cơ chế Quản lý Thuế ngoại lệ) cho cá nhân hoặc tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn đến cuối tháng tiếp theo của tháng có ngày bắt đầu công việc, cá nhân tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn sẽ nộp “Danh sách đối tượng miễn giảm làm việc tại doanh nghiệp vừa và nhỏ” cho Chi cục Thuế có thẩm quyền

Phân loại	Nội dung										
<p style="text-align: center;">(-) Giảm trừ tiền thuế</p>	<p>① Giảm trừ theo mức thu nhập</p> <p>- (Số thuế được giảm trừ): nếu tiền thuế tạm tính từ 1,3 triệu won trở xuống, giảm trừ 55% số thuế, nếu trên 1,3 triệu won (715.000 won + 30% của số thuế vượt quá)</p> <p>- (Định mức giảm trừ)</p> <table border="1" data-bbox="497 692 1386 1301"> <thead> <tr> <th data-bbox="497 692 791 757">Tổng tiền lương</th> <th data-bbox="791 692 1386 757">Số tiền thuế được giảm trừ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="497 757 791 842">Từ 33 triệu won trở xuống</td> <td data-bbox="791 757 1386 842">740.000 won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="497 842 791 994">Trên 33 triệu won đến 70 triệu won</td> <td data-bbox="791 842 1386 994">MAX(①, ②) ① 740.000won - 【(Tổng tiền lương - 33 triệu won)×0,008】 ② 660.000 won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="497 994 791 1146">Trên 70 triệu won</td> <td data-bbox="791 994 1386 1146">MAX(①, ②) ① 660.000 won - 【(Tổng tiền lương - 70 triệu won)×1/2】 ② 500.000 won</td> </tr> <tr> <td data-bbox="497 1146 791 1301">Trên 120 triệu won</td> <td data-bbox="791 1146 1386 1301">MAX(①, ②) ① 500.000 won - 【(Tổng tiền lương - 120 triệu won)×1/2】 ② 200.000 won</td> </tr> </tbody> </table> <p>② Giảm trừ thuế theo con cái</p> <p>- (Con cái thuộc đối tượng giảm trừ cơ bản) 1 con từ 8 tuổi trở lên được giảm trừ 150.000 won, 2 con 350.000 won, 3 con trở lên 350.000 won + từ con thứ 3 mỗi con thêm 300.000 won (3 con: 650.000 won, 4 con: 950.000 won, 5 con: 1.250.000 won)</p> <p>- (Con đẻ, con nuôi) Con đầu 300.000 won, con thứ hai 500.000 won, con thứ 3 trở lên 700.000 won/năm, được trừ trực tiếp từ tiền thuế tạm tính</p> <p>③ Giảm trừ thuế đối với khoản tiết kiệm hưu trí: Bằng 12% số tiền đã nộp bảo hiểm xã hội tiết kiệm hưu trí (Trường hợp tổng thu nhập từ 45 triệu won trở xuống (nếu chỉ có thu nhập từ tiền lương từ 55 triệu won trở xuống) là 15%)</p> <p>- (Hạn mức và tỷ lệ giảm trừ)</p>	Tổng tiền lương	Số tiền thuế được giảm trừ	Từ 33 triệu won trở xuống	740.000 won	Trên 33 triệu won đến 70 triệu won	MAX(①, ②) ① 740.000won - 【(Tổng tiền lương - 33 triệu won)×0,008】 ② 660.000 won	Trên 70 triệu won	MAX(①, ②) ① 660.000 won - 【(Tổng tiền lương - 70 triệu won)×1/2】 ② 500.000 won	Trên 120 triệu won	MAX(①, ②) ① 500.000 won - 【(Tổng tiền lương - 120 triệu won)×1/2】 ② 200.000 won
	Tổng tiền lương	Số tiền thuế được giảm trừ									
	Từ 33 triệu won trở xuống	740.000 won									
	Trên 33 triệu won đến 70 triệu won	MAX(①, ②) ① 740.000won - 【(Tổng tiền lương - 33 triệu won)×0,008】 ② 660.000 won									
	Trên 70 triệu won	MAX(①, ②) ① 660.000 won - 【(Tổng tiền lương - 70 triệu won)×1/2】 ② 500.000 won									
Trên 120 triệu won	MAX(①, ②) ① 500.000 won - 【(Tổng tiền lương - 120 triệu won)×1/2】 ② 200.000 won										

Tổng thu nhập cộng gộp (tổng tiền công, tiền lương)	Hạn mức nộp cho đối tượng giảm trừ	Tỷ lệ giảm trừ
Từ 45 triệu won (55 triệu won) trở xuống	6.000.000 won (9.000.000 won)	15%
Trên 45 triệu won (55 triệu won)		12%

④ Giảm trừ thuế cho thành viên Hiệp hội người nộp thuế

- Khấu trừ khoản tiền bằng 5% số thuế tạm tính đối với phần thu nhập từ tiền lương được khấu trừ tại nguồn bởi Hiệp hội người nộp thuế đó.

⑤ Tiền thuế đã nộp tại nước ngoài

- Trường hợp thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã bao gồm trong tổng mức thu nhập tính thuế cộng gộp thì số thuế đã nộp hoặc sẽ nộp tại nước ngoài đối với khoản thu nhập phát sinh đó sẽ được giảm trừ từ số thuế tạm tính
- (Định mức giảm trừ) Số thuế tạm tính × [(Thu nhập phát sinh từ nước ngoài - thu nhập là đối tượng miễn giảm) / Thu nhập tính thuế]

Phân loại	Nội dung									
(-) Giảm trừ trên tiền thuế	<p>⑥ Giảm trừ thuế tiêu chuẩn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm trừ thuế 130.000 won/năm cho trường hợp không đăng ký giảm trừ thu nhập đặc biệt · Giảm trừ thuế đặc biệt. <p>⑦ Giảm trừ thuế cho khoản đóng bảo hiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm trừ một khoản bằng 12% số tiền đã nộp cho các loại bảo hiểm có tính chất đảm bảo như bảo hiểm nhân thọ · bảo hiểm tai nạn (định mức 1 triệu won/năm) - 15% số tiền đã nộp cho bảo hiểm có tính chất đảm bảo dành cho người khuyết tật (định mức 1 triệu won/năm) <p>⑧ Giảm trừ thuế cho chi phí y tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - (Hạng mục giảm trừ) giảm trừ đối với phần chi phí vượt quá 3% tổng tiền lương như chi phí khám chữa bệnh · tiền thuốc, tiền cắt kính (trong phạm vi 500.000 won), chi phí cho dịch vụ trung tâm hậu sản (cao nhất 2 triệu won/ lần sinh con cho phụ nữ có tổng tiền lương từ 70 triệu won trở xuống) * Không bao gồm các chi phí dành cho phẫu thuật thẩm mỹ · làm đẹp và tiền mua các loại thuốc giúp tăng cường sức khỏe 									
	<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="496 1261 791 1339">Đối tượng giảm trừ</th> <th data-bbox="791 1261 1086 1339">Định mức giảm trừ</th> <th data-bbox="1086 1261 1382 1339">Tỷ lệ giảm trừ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="496 1339 791 1630"> ㉞ Bản thân · người khuyết tật · người đủ 65 tuổi trở lên, người phẫu thuật chữa vô sinh, trẻ sinh son · dị tật bẩm sinh, người trong danh sách đặc biệt khi tính bảo hiểm y tế </td> <td data-bbox="791 1339 1086 1630">Không có định mức</td> <td data-bbox="1086 1339 1382 1630"> 15% (30% đối với chi phí phẫu thuật chữa vô sinh. 20% đối với chi phí điều trị trẻ sinh non, dị tật bẩm sinh) </td> </tr> <tr> <td data-bbox="496 1630 791 1709"> ㉟ Gia đình phụ thuộc khác </td> <td data-bbox="791 1630 1086 1709">7 triệu won/năm</td> <td data-bbox="1086 1630 1382 1709"></td> </tr> </tbody> </table>	Đối tượng giảm trừ	Định mức giảm trừ	Tỷ lệ giảm trừ	㉞ Bản thân · người khuyết tật · người đủ 65 tuổi trở lên, người phẫu thuật chữa vô sinh, trẻ sinh son · dị tật bẩm sinh, người trong danh sách đặc biệt khi tính bảo hiểm y tế	Không có định mức	15% (30% đối với chi phí phẫu thuật chữa vô sinh. 20% đối với chi phí điều trị trẻ sinh non, dị tật bẩm sinh)	㉟ Gia đình phụ thuộc khác	7 triệu won/năm	
	Đối tượng giảm trừ	Định mức giảm trừ	Tỷ lệ giảm trừ							
	㉞ Bản thân · người khuyết tật · người đủ 65 tuổi trở lên, người phẫu thuật chữa vô sinh, trẻ sinh son · dị tật bẩm sinh, người trong danh sách đặc biệt khi tính bảo hiểm y tế	Không có định mức	15% (30% đối với chi phí phẫu thuật chữa vô sinh. 20% đối với chi phí điều trị trẻ sinh non, dị tật bẩm sinh)							
	㉟ Gia đình phụ thuộc khác	7 triệu won/năm								
<p>⑨ Giảm trừ đối với khoản chi tiêu giáo dục</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảm trừ 15% chi tiêu giáo dục dành cho bản thân và đối tượng miễn trừ cơ bản 										
<table border="1"> <thead> <tr> <th data-bbox="496 1883 699 1955">Đối tượng được giảm trừ</th> <th data-bbox="699 1883 1182 1955">Chi tiêu được giảm trừ</th> <th data-bbox="1182 1883 1382 1955">Định mức giảm trừ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="496 1955 699 2033"> ① Bản thân </td> <td data-bbox="699 1955 1182 2033">Cao học, đại học, các khóa học theo giờ, cơ sở đào tạo phát triển năng lực</td> <td data-bbox="1182 1955 1382 2033">Toàn bộ chi phí</td> </tr> </tbody> </table>	Đối tượng được giảm trừ	Chi tiêu được giảm trừ	Định mức giảm trừ	① Bản thân	Cao học, đại học, các khóa học theo giờ, cơ sở đào tạo phát triển năng lực	Toàn bộ chi phí				
Đối tượng được giảm trừ	Chi tiêu được giảm trừ	Định mức giảm trừ								
① Bản thân	Cao học, đại học, các khóa học theo giờ, cơ sở đào tạo phát triển năng lực	Toàn bộ chi phí								

	nghề nghiệp, tiền trả nợ khoản vay đóng học phí v.v.	
② Con cái chưa đến tuổi đi học	Học phí nhà trẻ · trường mầm non · trung tâm học thêm · trung tâm thể thao, tiền ăn tại trường, học phí các lớp học ngoại khóa tại trường sau giờ học (bao gồm cả tiền mua sách)	3 triệu won/người
③ Học sinh tiểu học · THCS · THPT	Chi phí nhập học · Học phí, phí đăng ký xét tuyển đại học, lệ phí thi tuyển đại học, tiền ăn tại trường, tiền sách giáo khoa, học phí lớp ngoại khóa, tiền đi dã ngoại trải nghiệm (300.000 won/ năm, tiền mua đồng phục (học sinh THCS và THPT 500.000 won/năm	3 triệu won/người
④ Sinh viên đại học	Chi phí nhập học, học phí	9 triệu won/người
⑤ Người khuyết tật	Chi phí đào tạo phục hồi chức năng cho người khuyết tật	Toàn bộ chi phí

Phân loại	Nội dung		
(-) Giảm trừ tiền thuế	⑩ Giảm trừ thuế đối với khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo		
	<p>- Cá nhân cư trú và gia đình phụ thuộc thuộc đối tượng giảm trừ cơ bản được giảm trừ thuế tương đương 15% khoản đóng góp từ thiện nhân đạo và không vượt quá định mức giảm trừ trong kỳ tính thuế (áp dụng mức 30% cho phần vượt 10 triệu won)</p> <p>※ Khoản đóng góp cho hoạt động chính trị, quyền góp ủng hộ quê hương và</p>		
	<p>Các loại đóng góp từ thiện, nhân đạo</p>	<p>Định mức giảm trừ</p>	<p>Tỷ lệ giảm trừ</p>
	<p>① Khoản đóng góp cho hoạt động chính trị</p>	<p>【Thu nhập chịu thuế】 × 100%</p>	<p>100.000 won trở xuống : 100/110 100.000 won trở lên : 15% (Đối với khoản trên 30 triệu won 25%)</p>
	<p>② Khoản quyền góp ủng hộ quê hương</p>	<p>【Thu nhập chịu thuế - ①】 × 100% (Hạn mức 5 triệu won/năm)</p>	<p>100.000 won trở xuống : 100/110 100.000 won trở lên : 15/100</p>
	<p>③ Tiền quyền góp theo Mục 1 Khoản 2 Điều 34 「Luật thuế thu nhập cá nhân」</p>	<p>【Thu nhập chịu thuế - ①-②】 × 100%</p>	
	<p>④ Khoản đóng góp cho Tổ chức của người lao động có cổ phần công ty</p>	<p>【Thu nhập chịu thuế - ① - ②-③】 × 30%</p>	
<p>⑤ Tiền quyền góp (Tổ chức tôn giáo) theo Mục 1 Khoản 3 Điều 34 「Luật thuế thu nhập cá nhân」</p>	<p>Chọn số tiền* nhỏ hơn giữa khoản đóng góp cho tổ chức ngoài tôn giáo và 20% của số tiền tính được từ công thức 【Thu nhập chịu thuế-①-②-③-④】 × 10% + 【Thu nhập chịu thuế-①-②-③-④】</p> <p>* Tiền quyền góp cho tổ chức khác theo quy định ngoài tổ chức tôn giáo trong năm đó + Tiền quyền góp cho tổ chức khác ngoài tổ chức tôn giáo được chuyển sang kỳ tính thuế này</p>	<p>Tiền quyền góp theo Mục 1 Khoản 2 Điều 34 「Luật thuế thu nhập cá nhân」 + Tiền quyền góp theo Mục 1 Khoản 3 Điều 34 「Luật thuế thu nhập cá nhân」 + Tiền đóng góp cho Tổ chức của người lao động có cổ phần công ty: 15%(30% đối với phần đóng góp vượt quá 10 triệu won)</p>	
<p>⑥ Tiền quyền góp (Ngoài tổ chức tôn giáo) theo</p>	<p>【Thu nhập tính thuế-①-②-③-④】 × 30%</p>		

	Mục 1 Khoản 3 Điều 34 「Luật thuế thu nhập cá nhân		
	đóng góp cho tổ chức của người lao động nắm giữ cổ phần công ty chỉ được giảm thuế đối với phần bản thân cá nhân đó đóng góp.		
Số thuế sau quyết toán	(= Số thuế tạm tính - số thuế được miễn giảm/số thuế được giảm trừ) ※ Người lao động nước ngoài đã đăng ký áp dụng mức thuế suất đồng nhất $= (\text{Tổng tiền lương} + \text{Thu nhập không chịu thuế}) \times 19\%$		
(-) Tiền thuế đã nộp	Là khoản tiền cộng gộp giữa tiền thuế đã nộp tại nơi làm việc và tiền thuế đã quyết toán với nơi làm việc trước đây		
Tiền thuế chênh lệch	(= Tiền thuế sau quyết toán - tiền thuế đã nộp) ※ Nếu tiền thuế sau quyết toán > tiền thuế đã nộp: nộp thêm phần chênh lệch Nếu tiền thuế sau quyết toán < tiền thuế đã nộp: được hoàn thuế phần chênh lệch		

Bảng tính thuế ở trên đã giới thiệu sơ lược nội dung của luật thuế nhưng chưa giải thích cụ thể những điều kiện cần để có thể nhận giảm trừ trên thực tế. Do đó, sau khi tham khảo hướng dẫn này, người lao động có ý định kê khai cần chú ý xác nhận thêm các điều kiện nhận và khả năng được giảm trừ thông qua công ty hoặc các văn bản quy định liên quan về thuế để tránh những bất lợi có thể phát sinh từ việc kê khai giảm trừ vượt quy định.

III. Ví dụ về tính thuế trong quyết toán cuối năm

Trường hợp 1. Quyết toán cuối năm cho người lao động làm việc trên 1 năm(1)

☐ Thông tin cơ bản

- James làm việc tại công ty ABC năm 2024 và nhận tiền lương như sau:
 - Tổng thu nhập năm 200.000.000 won (Thu nhập không chịu thuế 5.000.000 won)
- Thông tin gia đình: Bản thân(James, 36 tuổi), vợ(Jane, 38 tuổi)
 - * Vợ Jane có tổng thu nhập năm dưới 1.000.000 won và là đối tượng giảm trừ gia cảnh
- Nội dung chi tiêu
 - Bảo hiểm xã hội 2.500.000 won - Bảo hiểm y tế 1.500.000 won
- Tiền thuế đã nộp 44.334.000 won

Đơn vị: won

Phương pháp quyết toán cuối năm		Phương pháp thuế suất đồng nhất 19%	
Tổng thu nhập năm	200.000.000	Tổng thu nhập năm	200.000.000
Thu nhập không chịu thuế	(-) 5.000.000		
Tổng tiền lương	195.000.000		
Giảm trừ theo thu nhập	16.650.000		
Tổng thu nhập chịu thuế	178.350.000		
Giảm trừ gia cảnh			
- Giảm trừ cơ bản	3.000.000		
Giảm trừ khoản đóng bảo hiểm xã hội	2.500.000		
Giảm trừ thu nhập đặc biệt	1.500.000		
- Khoản đóng bảo hiểm y tế			
Các khoản giảm trừ thu nhập khác			
Thu nhập tính thuế	171.350.000		
Số thuế tạm tính (thuế suất cơ bản)	45.173.000		
Giảm trừ thuế theo mức thu nhập	200.000		
Số thuế sau quyết toán	44.973.000	Số thuế sau quyết toán	₩ 38.000.000
Tiền thuế đã nộp	(-) 44.334.000	Tiền thuế đã nộp	(-) 44.334.000
Tiền thuế chênh lệch phải nộp	639.000	Tiền thuế chênh lệch phải nộp	△ 6.334.000

Trường hợp 2. Quyết toán cuối năm cho người lao động làm việc trên 1 năm (2)

□ Thông tin cơ bản

- James ký hợp đồng lao động và làm việc cho công ty ABC trong năm 2024
 - Tiền lương tháng 3.500.000 won (Đã bao gồm 500.000 won công ty chi trả để hỗ trợ tiền thuê nhà)
- Thông tin gia đình: Bản thân (40 tuổi), vợ (35 tuổi), con trai (8tuổi), bố (71 tuổi)
 - ☞ James và gia đình mình sống cùng nhau và các thành viên gia đình khác đều có tổng thu nhập năm dưới 1 triệu won và là đối tượng giảm trừ gia cảnh.
- Nội dung chi tiêu: Bảo hiểm nhân thọ 1.100.000 won, Bảo hiểm xã hội 1.200.000 won, Chi tiêu cho giáo dục con cái: 4.800.000 won (là phần chi tại cơ sở giáo dục trong nước Hàn Quốc)
- Số thuế được khấu trừ tại nguồn hàng tháng : 36.690 won (không chọn cách tính áp dụng 1 mức thuế suất đồng nhất.)

Phương pháp quyết toán cuối năm		Giải thích hạng mục
Tổng thu nhập năm	42.000.000	
Thu nhập không đánh thuế ①	(-) 0	① Số tiền 500.000 công ty trả với mục đích hỗ trợ tiền thuê nhà hàng tháng không được coi là thu nhập được miễn thuế
Tổng tiền lương	42.000.000	
Giảm trừ theo thu nhập ②	11.550.000	② $7.500.000 + (42.000.000 - 15.000.000) \times 15\%$
Khoản thu nhập chịu thuế	30.450.000	
Giảm trừ gia cảnh		
- Giảm trừ cơ bản ③	6.000.000	③ (4 người × 1.500.000)
- Giảm trừ thêm ④	1.000.000	④ (1 người × 1.000.000), ưu đãi cho người cao tuổi
Giảm trừ khoản đóng bảo hiểm xã hội	1.200.000	
Giảm trừ thu nhập đặc biệt	0	
Thu nhập tính thuế	22.250.000	
Số thuế tạm tính (Thuế suất cơ bản)	2.077.500	⑤ (Số thuế được giảm) : $\min(a, b)$
Giảm thuế theo mức thu nhập ⑤	660.000	⑤ $715.000 + (2.077.500 - 1.300.000) \times 30\%$ ⑥ (Hạn mức giảm) $\max(1, 2)$ ⑦ $740.000 - (42.000.000 - 33.000.000) \times 0,8\%$ ⑧ 660.000

Giảm thuế con cái	150.000	
Giảm thuế đặc biệt		
- Tiền đóng bảo hiểm đảm bảo ⑥	120.000	⑥ $1.000.000 \times 12\%$
- Chi tiêu giáo dục ⑦	450.000	⑦ định mức giảm thuế đối với chi tiêu giáo dục cho học sinh tiểu học $\min(4.800.000, 3.000.000) \times 15\%$
Số thuế sau quyết toán	697.500	
Tiền thuế đã nộp ⑧	<u>(-) 440.280</u>	⑧ 36.690×12 tháng
Số thuế chênh lệch phải nộp	<u>257.220</u>	Tiền thuế phải nộp

IV. Câu hỏi thường gặp và trả lời (Q&A)

1

Tôi là người nước ngoài có thu nhập từ tiền công, tiền lương. Mỗi tháng tôi đều nộp thuế được khấu trừ tại nguồn, vậy quyết toán cuối năm là gì?

- Cá nhân tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn (công ty) khi trả thu nhập hàng tháng cho người lao động sẽ tính toán số thuế khấu trừ tại nguồn theo Biểu thuế rút gọn* dựa theo lương tháng của người lao động và một số điều kiện giảm trừ như số lượng gia đình phụ thuộc, sau đó nộp thuế Chi cục Thuế có thẩm quyền. Quyết toán cuối năm phải được thực hiện trước khi tiến hành trả lương tháng 2 của năm tiếp theo.

* Bảng tính thuế khấu trừ tại nguồn hàng tháng tính trên tiêu chuẩn thu nhập và số lượng gia đình phụ thuộc thuộc đối tượng giảm trừ

- Quyết toán cuối năm là thủ tục xác định tổng số thuế thu nhập cá nhân mà người lao động phải chịu đối với khoản thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ tương ứng.
 - Số thuế phải nộp cuối cùng sẽ được quyết định dựa theo nội dung “Tờ khai giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế” mà người lao động đã nộp cho khoản thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ tính thuế tương ứng.
- Khi xác định được số thuế cuối cùng phải nộp sau khi tính toán các khoản giảm trừ, cá nhân/tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn (công ty) sẽ đối chiếu con số này với tổng số thuế đã khấu trừ hàng tháng, nếu tổng số thuế đã khấu trừ lớn hơn thì người lao động được hoàn thuế (hoàn vào tiền lương), nếu tổng số thuế đã khấu trừ nhỏ hơn thì người lao động nộp thêm phần còn thiếu (khấu trừ trực tiếp từ tiền lương).

※ Quy định liên quan: Điều 134 và Điều 137 Luật Thuế Thu nhập cá nhân

2

Trường hợp nghỉ việc giữa năm thì quyết toán cuối năm thực hiện như thế nào?

- Trong trường hợp người lao động nghỉ việc trong năm, cá nhân tổ chức khấu trừ tại nguồn sẽ hạch toán và thu thuế sau quyết toán cuối năm khi trả thu nhập của tháng nghỉ việc
- Do đó, người lao động nghỉ việc giữa chừng cần nộp tờ khai xin giảm trừ thu nhập và tiền thuế cùng các chứng từ khác cho công ty trước khi nhận lương của tháng nghỉ việc, nếu chỉ có thu nhập tại 1 nơi làm việc thì với quyết toán cuối năm ở trên, nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân của người này chấm dứt.

※ Quy định liên quan: Điều 137 Luật Thuế thu nhập cá nhân

3

Tôi đang nhận lương tại một công ty ở nước ngoài. Vậy tôi phải nộp thuế như thế nào?

- Tiền lương cá nhân cư trú nhận từ cá nhân hoặc pháp nhân ở nước ngoài không nằm trong đối tượng khấu trừ tại nguồn nhưng vẫn phải nộp thuế.
- Đối với khoản thu nhập nhận được từ nước ngoài, do người trả thu nhập không ở tại Hàn Quốc nên người lao động phải trực tiếp tự thực hiện các nghĩa vụ thuế, người nộp thuế có nghĩa vụ kê khai thu nhập nhận được từ nước ngoài vào thu nhập cộng gộp vào tháng 5 của năm tiếp theo.
- Tuy nhiên, nếu người nộp thuế trên là thành viên của một hiệp hội người nộp thuế thì hiệp hội người nộp thuế đó phải khấu trừ tại nguồn và quyết toán cuối năm đối với khoản thu nhập từ nước ngoài.

Lúc này người nộp thuế sẽ được giảm trừ một số tiền bằng 5% số thuế.

※ Quy định liên quan: Điều 3, Điều 150 Luật Thuế thu nhập cá nhân

4

Trường hợp người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Hàn Quốc đã làm việc và phát sinh thu nhập tại nước ngoài thì người này có phải cộng gộp thu nhập phát sinh tại nước ngoài với thu nhập phát sinh tại Hàn Quốc để thực hiện quyết toán cuối năm hay không?

○ Về nguyên tắc, người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Hàn Quốc phải cộng gộp thu nhập phát sinh trong và ngoài nước trong cả năm để thực hiện quyết toán cuối năm.

- Tuy nhiên, đối với trường hợp tổng thời gian cư trú tại Hàn Quốc từ 5 năm trở xuống kể từ ngày kết thúc thời gian tính thuế cho đến 10 năm trở về trước, người lao động chỉ cần quyết toán cuối năm với thu nhập được cộng gộp từ thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã được chi trả hoặc chuyển thu nhập về Hàn Quốc.

※ Quy định liên quan: Điều 3, Điều 20 Luật Thuế thu nhập cá nhân

5

Chi phí chữa bệnh được chi trả tại cơ sở y tế nước ngoài có được tính là chi phí được trừ hay không?

○ Cơ sở y tế nước ngoài không được coi là cơ sở y tế quy định tại Điều 3 「Luật Y tế」 nên sẽ không được trừ trong trường hợp này.

※ Quy định liên quan: Khoản 2 Điều 59-4 Luật Thuế thu nhập cá nhân và khoản 1 Điều 118-5 Nghị định hướng dẫn thi hành luật này

6

Trường hợp khoản chi thể hiện tại dịch vụ đơn giản hóa quyết toán cuối năm ít hơn số tiền bản thân tôi đã chi tiêu thực tế tại bệnh viện thì tôi phải làm như thế nào để được giảm trừ khoản chi tiêu đã trả trên thực tế?

- Trường hợp các khoản chi tiêu y tế của người lao động không được thể hiện hết trên hệ thống dịch vụ đơn giản hóa quyết toán cuối năm (www.hometax.go.kr ⇨ Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyền góp online ⇨ Đơn giản hóa quyết toán cuối năm (⇨ 장려금 · 연말정산 · 전자기부금 ⇨ 연말정산간소화), người kê khai ghi thêm số tiền đã chi tại Bảng kê chi tiết chi tiêu y tế và nộp thêm các chứng từ do bệnh viện và hiệu thuốc cấp thì có thể được giảm trừ.

※ Quy định liên quan: Khoản 2 Điều 59-4 Luật Thuế thu nhập cá nhân

7

Có được trừ hay không khoản học phí cho con cái theo học trung tâm học thêm tại nước ngoài trước khi nhập học tiểu học?

- Trung tâm học thêm tại nước ngoài không được công nhận là cơ sở chăm sóc trẻ em theo quy định của 「Luật Chăm sóc trẻ sơ sinh và mầm non」 và trung tâm học thêm hoặc trung tâm thể thao quy định tại 「Quy định về thành lập, vận hành trung tâm dạy thêm và việc dạy thêm」 nên không được trừ chi phí trong trường hợp này.

※ Quy định: Khoản 3 Điều 50-4 Luật thuế thu nhập cá nhân và Khoản 1 Điều 118-6 Nghị định hướng dẫn thi hành luật này

8

Người nước ngoài làm việc tại Hàn Quốc có được trừ khoản chi tiêu giáo dục cho con cái tại nước ngoài hay không?

- Chi tiêu giáo dục chi trả cho cơ sở giáo dục nước ngoài chỉ được trừ trong trường hợp cá nhân cư trú chi trả chi tiêu này mang quốc tịch Hàn Quốc tại thời điểm kết thúc thời gian tính thuế, nếu là người nước ngoài sẽ không được trừ.

※ Khoản 3, Điều 50-4 Luật Thuế thu nhập cá nhân và Khoản 4, 5 Điều 118-6 Nghị định hướng dẫn thi hành luật này

9

Tôi đóng tiền bảo hiểm của tháng 12 năm 2023 vào tháng 1 năm 2024. Vậy tiền đóng bảo hiểm trong trường hợp này được giảm trừ của năm tính thuế nào?

- Tiền đóng bảo hiểm chỉ có khả năng được giảm trừ vào năm đóng, nên nếu đã đóng bảo hiểm vào tháng 1 năm 2024 thì khoản tiền này phải được giảm trừ trên thu nhập của năm 2024.

※ Quy định liên quan: Khoản 1 Điều 59-4 Luật Thuế thu nhập cá nhân

10

Khoản chi tiêu bằng thẻ tín dụng tại nước ngoài có được trừ hay không?

- Khoản chi tiêu bằng thẻ tín dụng tại nước ngoài không được giảm trừ.

※ Quy định liên quan: Khoản 1 Điều 126-2 Luật Kiểm soát Cơ chế Quản lý Thuế ngoại lệ

11

Khoản chi qua thẻ tín dụng mà thành viên trong gia đình đứng tên có được trừ hay không?

- Khoản chi tiêu qua thẻ tín dụng do vợ/chồng hoặc cha mẹ con cái có tổng thu nhập hàng năm 1 triệu won trở xuống (người chỉ có thu nhập từ tiền công thì tổng tiền công dưới 5 triệu won) đứng tên được tính vào thu nhập thẻ tín dụng được trừ của cá nhân cư trú đó. Tuy nhiên, đối với khoản chi tiêu qua thẻ tín dụng của anh chị em, dù những người này là đối tượng giảm trừ cơ bản thì cũng không được tính vào khoản chi tiêu được trừ.

※ Quy định liên quan: Khoản 1 Điều 126-2 Luật Kiểm soát Cơ chế Quản lý Thuế ngoại lệ

12

Điều kiện miễn thuế thông thường dành cho giáo viên bản ngữ là gì?

- Quy định miễn thuế cho giáo viên bản ngữ các nước có thể tìm thấy tại hệ thống thông tin pháp luật thuế (Pháp lệnh⇒ Hiệp định thuế)
- điều kiện miễn thuế khác nhau tùy theo từng quốc gia ký kết hiệp định thuế nên cần xem xét riêng nội dung từng hiệp định thuế. Tuy nhiên, không có quy định miễn thuế riêng biệt đối với các quốc gia như Canada, Na-uy, Thụy Điển v.v.
- Đối với cá nhân cư trú là người Mỹ, giáo viên bản ngữ có thể được miễn thuế thu nhập nếu đáp ứng đủ điều kiện như sau:
 - Tổ chức mời: Chính phủ, Chính quyền địa phương hoặc Cơ quan đào tạo được cấp phép
 - * Không áp dụng cho các trung tâm dạy thêm tư nhân, trại hè tiếng Anh trong các làng tiếng Anh v.v.
 - Mục đích mời: mục đích giảng dạy hoặc nghiên cứu tại trường đại học hoặc các cơ quan đào tạo được cấp phép

- Mục đích nhập cảnh: mục đích hàng đầu để thực hiện việc giảng dạy và nghiên cứu nói trên
- Thời gian mời: không quá 2 năm
 - ※ Quy định liên quan: Khoản 1 Điều 20 Hiệp định thuế Hàn Quốc · Hoa Kỳ,

13 Các hạng mục giảm trừ thu nhập · khấu trừ thuế nếu bị tính sót khi quyết toán cuối năm có được trừ sau đó hay không?

- Có thể được giảm trừ khi kê khai xác định thu nhập cộng gộp vào tháng 5 năm sau hoặc nộp đơn yêu cầu sửa đổi lên chi cục thuế có thẩm quyền trong vòng 5 năm.
 - ※ Quy định liên quan: Điều 45-2 Luật khung về Quản lý thuế

14 Nếu kết quả quyết toán cuối năm cho thấy người nộp thuế sẽ được hoàn thuế thì thủ tục hoàn thuế như thế nào?

- Khi kết quả quyết toán cuối năm phát sinh hoàn thuế thì người lao động có thể nhận hoàn thuế thông qua người sử dụng lao động (doanh nghiệp nơi làm việc) và không cần thực hiện thủ tục nào cho việc hoàn thuế.
 - ※ Quy định liên quan: Điều 137 Luật Thuế thu nhập cá nhân

15 Nếu không thể quyết toán cuối năm thì thực hiện việc kê khai thuế thu nhập như thế nào?

- Nếu không thể quyết toán cuối năm hoặc quyết toán mà không tính toán phần thu nhập khác hoặc đã quyết toán cuối năm mà bỏ sót một số phần giảm trừ thu nhập tính thuế và giảm trừ

từ thuế tạm tính nên muốn đăng ký kê khai giảm trừ thêm, người lao động chỉ cần đính kèm các tài liệu liên quan ví dụ nhu chứng từ đơn giản hóa thủ tục quyết toán cuối năm khi kê khai thuế thu nhập cộng gộp vào tháng 5 năm tiếp theo.

※ Quy định liên quan: Điều 73, Luật Thuế thu nhập cá nhân

16

Tôi nghỉ việc giữa năm và muốn nhận hoàn thuế sau khi quyết toán. Nhưng công ty liên tục trì hoãn việc hoàn thuế. Vậy tôi có thể nhận hoàn thuế tại các Chi cục thuế thay vì nhận qua công ty hay không?

- Theo kết quả quyết toán thuế cuối năm, nếu có phát sinh số thuế cần hoàn cho người lao động thì cá nhân/tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn phải thực hiện chi trả hoàn thuế cho người lao động, trường hợp cá nhân/tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn không thực hiện chi trả hoàn thuế sau khi quyết toán thì người lao động có quyền khiếu nại cá nhân/tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn lên cơ quan có thẩm quyền và số thuế cần hoàn có thể nhận bằng phương pháp tương tự như khi đòi tiền nợ lương. Đề nghị người lao động tư vấn, tham khảo thêm với Trung tâm tư vấn khách hàng (☎1350) của Bộ Lao động và Việc làm, cơ quan trực tiếp quản lý vấn đề về tiền lương, trợ cấp thôi việc và sa thải v.v cho người lao động.

V. Dịch vụ đơn giản hóa quyết toán cuối năm

1 Dịch vụ đơn giản hóa quyết toán thuế cuối năm là gì?

- Là dịch vụ Tổng Cục thuế tập hợp và dữ liệu hóa các “chứng từ phục vụ giảm trừ thu nhập tính thuế · tiền thuế” đã được các cơ quan phát hành hóa đơn như ngân hàng, trường học, bệnh viện v.v. gửi file dữ liệu về Tổng cục và cho phép người lao động tìm kiếm thông qua trang Hometax (www.hometax.go.kr)
- Người lao động lựa chọn các dữ liệu phù hợp với điều kiện giảm trừ thu nhập hoặc giảm thuế của mình, sau đó nộp cho tổ chức có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn (công ty) để làm chứng từ mà không cần nộp bất cứ hóa đơn nào khác.

2 Tìm kiếm dữ liệu về giảm trừ thu nhập · thuế

- a. Truy cập địa chỉ homepage dịch vụ đơn giản hóa thủ tục quyết toán cuối năm: <http://www.hometax.go.kr>
 - b. Đăng nhập bằng chứng nhận điện tử
 - Click chuột vào ô [Login] nằm ở góc trên cửa sổ hiển thị trên trang đầu của Hometax ⇨ Click chuột vào [인증서 로그인] (Login bằng chữ ký số/chứng nhận điện tử)]
 - Lựa chọn chứng nhận điện tử ⇨ Nhập password của chứng nhận điện tử ⇨ Click chuột vào ô [확인] (xác nhận)]
- * Có thể đăng nhập bằng chứng nhận điện tử được sao lưu trong điện thoại, có thể đăng nhập theo diện không phải là thành viên trang web (chứng nhận điện tử)

Để truy cập vào Hometax và tìm kiếm các dữ liệu về giảm trừ trên thu nhập · thuế, người sử dụng bắt buộc phải có “chứng nhận điện tử” (공인인증서). Chứng nhận điện tử là một loại chứng nhận chữ ký (con dấu) trên nền internet, đây là hình thức bảo vệ thông tin cá nhân quan trọng của người sử dụng.

* Chứng nhận điện tử được cấp bởi cơ quan như ngân hàng v.v.

** Người nước ngoài chỉ có thể sử dụng chứng nhận điện tử được cấp từ số đăng ký người nước ngoài

c. In dữ liệu giảm trừ trên thu nhập · thuế

- Click chuột vào mục 「연말정산간소화 (Đơn giản hóa quyết toán cuối năm)」 trong mục 「장려금 · 연말정산 · 전자기부금」 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online) tại Hometax



- Click chuột vào dòng 「근로자 소득·세액공제 자료 조회」 (Tìm kiếm/cập dữ liệu giảm trừ thu nhập · thuế) trong mục [연말정산간소화] (Đơn giản hóa quyết toán cuối năm)

연말정산 간소화		연말정산 포털 바로가기 >			
 근로자 소득·세액공제 자료 조회	 부양가족 자료제공 등의 신청	 부양가족 등의 현황 조회	 일괄제공 신청내역 확인 (동의), 취소 및 조회	 회사 신청(연말정산 대상 근로자 명단 등록)	이용시간 매일 06:00~24:00
근로자	연말정산간소화 자료 - 근로자 소득·세액공제 자료 조회 - 사업자 소득·세액공제 자료 조회 - 소득·세액공제 자료 삭제 신청	부양가족 자료제공 - 연말정산 부양가족 자료제공 등의 신청 (미성년 자녀/본인인증수단/맥스신청) - 연말정산 부양가족 자료제공 등의 현황 조회 - 연말정산 부양가족 자료제공 등의 진행상황 - 연말정산 부양가족 자료제공 등의 취소 신청	기타 - 신용카드 사용금액 오류 신고센터 - 조회되지 않는 의료비 신고센터		
영수증 발급처 (은행·학교·병원 등)	자료제공 승인 신청 - 기부금 수령단계 자료 제출 신청	소득·세액공제 자료 제출·조회 - 소득·세액공제 증명자료 제출하기 - 소득·세액공제 증명 제출자료 현황 조회 - 소득·세액공제 증명 제출자료 인별 조회 - 안경교보의료기기 제출현황 조회	기타 - 소득·세액공제 증명자료 제출일정 및 제출방법 안내 - 영수증 발급기관 연락처 등록 - 영수증 발급처 전화번호 조회		
연말정산 일괄제공 (국세청 - 회사)	근로자 - (근로자용) 일괄제공 신청확인동의취소조회	원천징수의무자(회사) - (회사용) 연말정산 대상 근로자 명단 등록 - (회사용) 연말정산 대상 근로자 명단 내역 확인 및 관리 - (회사용) 일괄제공 파일 내려받기			

- Toàn bộ hạng mục giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế mà mục Đơn giản hóa quyết toán cuối năm cung cấp sẽ được hiển thị
 - Khi click vào từng hạng mục giảm trừ thu nhập · thuế, các khoản chi tiêu (sử dụng) tại các đơn vị khác nhau trong cùng một hạng mục sẽ được hiển thị, khi click vào từng đơn vị, người sử dụng có thể tìm thấy giá trị sử dụng (chi tiêu) hàng tháng với mỗi loại hạng mục.
 - Khi click vào [한번에 내려받기 (In toàn bộ)] thì toàn bộ dữ liệu về giảm trừ thu nhập · thuế đã tìm kiếm sẽ được sẽ được in với chỉ “một lần nhấp chuột (One Click)“.
- ※ Trường hợp muốn in khoản chi tiêu (sử dụng) theo tháng (hoặc theo ngày) thì chức năng in toàn bộ sẽ không hoạt động.

The screenshot shows the tax portal interface with the following elements:

- Header: 소득·세액공제 자료 조회 (Income and Tax Credit Data Search)
- Navigation: 일괄제공 확인(동의) (Batch Provision Confirmation (Consent)), 간소화자료 제출 (Simplified Data Submission), 예상세액 계산 (Estimated Tax Calculation), 공제선고서작성 (Exemption Decision Form Creation), 연말정산 포털 (Tax Portal)
- Filter: 귀속연도 2023년 (Tax Year 2023), 전체목록 (All Lists), 1월 (Jan), 2월 (Feb), 3월 (Mar), 4월 (Apr), 5월 (May), 6월 (Jun), 7월 (Jul), 8월 (Aug), 9월 (Sep)
- Action Buttons: 한번에 내려받기 (In all at once - highlighted in red), 인쇄하기 (Print), 저장하기 (Save), 제공동의 현황 (Provision Consent Status)
- Grid of Categories:
 - 건강보험 (National Health Insurance)
 - 국민연금 (National Pension)
 - 보험료 (Insurance)
 - 유족비 (Widow Expenses)
 - 교육비 (Education Expenses)
 - 신용카드 (Credit Card)
 - 적불카드 등 (Debit Card)
 - 현금영수증 (Cash Receipt)
 - 개인연금저축/연금계좌 (Personal Pension Savings)
 - 주택자금 (Housing Funds)
 - 임대료 (Monthly Rent)
 - 주택임대차 소득 (Rental Income Savings)
 - 경제합참투자증권차익 환원기금투자산적 (Economic Cooperation Investment Securities Profit Repayment Fund Investment Accumulation)
 - 소기업·소상공인 공제부금 (Membership Fee For Small/SME Enterprises)
 - 기부금 (Contribution)
 - 경제인명세서 (Certificate of Person with Disability)
- Footer: ※ 연말정산간소화 자료는 소득·세액공제 증명서류 발급기관이 제출한 자료를 그대로 보여주는 것이므로 공제요건은 근로자가 확인해야 합니다. (Simplified tax data is provided as-is from the issuing agency, so taxpayers must verify their own eligibility for deductions.)

- ※ Tài liệu được cung cấp từ dịch vụ đơn giản hóa chỉ được thu thập từ thông tin số đăng ký người nước ngoài. Ví dụ, nếu người lao động ghi số hộ chiếu hoặc số sử dụng tạm thời mà không phải là số đăng ký người nước ngoài thì tiền đóng bảo hiểm đã nộp sẽ không hiển thị.

3] Nộp văn bản điện tử của các loại chứng từ giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế

Để cải thiện những bất tiện tới từ việc in, nộp, lưu giữ hồ sơ chứng từ giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế bằng giấy cho người lao động và người có nghĩa vụ khấu trừ tại nguồn, Tổng cục thuế đang tổ chức thực hiện “Quyết toán cuối năm không dùng giấy (paperless)”. Doanh nghiệp phải truy cập trước vào trang chủ chương trình trích xuất hồ sơ dữ liệu điện tử (www.hometax.go.kr) và cài đặt “chương trình trích xuất” này về phần mềm quyết toán cuối năm của công ty.

- a. Tìm kiếm và tải về dữ liệu giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế
 - Click chuột vào mục [근로자 소득 · 세액공제 자료 조회 (Tìm kiếm/cập dữ liệu giảm trừ thu nhập · thuế)] trong mục lớn 「장려금 · 연말정산 · 전자기부금」 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] trong menu đầu trang Hometax
 - Phương pháp tìm kiếm cũng giống với phần [2. 소득 · 세액공제자료 조회하기 (Tìm kiếm dữ liệu về giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế)], sau khi tìm kiếm xong có thể click vào menu [한번에 내려받기 (tải xuống toàn bộ)] hoặc [PDF 다운로드 (tải file PDF)] để tải văn bản điện tử.
 - ※ Khi tải file PDF, có thể lựa chọn việc cài đặt số bí mật (cài đặt 7 chữ số tự chọn) cho văn bản
 - ※ Tên file được đặt dưới dạng cơ bản là “Họ và tên (6 số đầu của số đăng ký công dân) - tên hạng mục.PDF, người dùng có thể đổi theo tên mình mong muốn.
- b. Sử dụng văn bản điện tử đã tải về (quyết toán cuối năm không dùng giấy)

- Người lao động sẽ nộp cho doanh nghiệp các văn bản điện tử đã tải về.
- Người lao động trong doanh nghiệp được tạo môi trường cho “quyết toán cuối năm không dùng giấy” sẽ nộp các chứng từ về giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế bằng cách tải các văn bản điện tử đã tải về lên chương trình quyết toán cuối năm của công ty, cũng với chương trình này, người sử dụng có nộp các tờ khai đăng ký giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế đã được biên soạn tự động.

4] Đăng ký chấp thuận cung cấp hồ sơ dữ liệu về giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế của gia đình phụ thuộc

a. Trường hợp gia đình phụ thuộc là con [chưa thành niên]

- Người lao động có chứng nhận điện tử không cần thủ tục đồng ý nào khác vẫn có thể tìm kiếm dữ liệu về giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế của ‘con chưa thành niên dưới 19 tuổi (sinh sau ngày 01/01/2005)’.
- Vào thực đơn [「장려금 · 연말정산 · 전자기부금」 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)], click vào [연말정산간소화 (Đơn giản hóa quyết toán cuối năm)] → click vào [부양가족 자료제공 동의 신청 (Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)]

* Người lao động muốn tìm kiếm dữ liệu về con cái bắt buộc phải có chứng nhận điện tử.

Người lao động nếu muốn tìm kiếm dữ liệu về giảm trừ thu nhập · thuế của gia đình phụ thuộc là người đã thành niên thì cần phải có sự đồng ý của thành viên gia đình đó. Có thể đăng ký xin chấp thuận với nhiều phương thức đa dạng như sau.

1) Phương pháp đăng ký xin đồng ý cung cấp thông tin bằng cách sử dụng internet

Nếu xác định trực tuyến được rằng người cung cấp và người tìm kiếm thông tin có quan hệ gia đình thì có thể dùng các công cụ chứng nhận bản thân (chứng nhận điện tử, điện thoại di động, thẻ tín dụng) để đăng ký xin chấp thuận cung cấp dữ liệu, trường hợp không có các công cụ chứng nhận bản thân hoặc không xác định được quan hệ gia đình thì có thể đính kèm Giấy chứng nhận quan hệ gia đình qua online hoặc qua fax để đăng ký chấp thuận.

① Đăng ký xin chấp thuận bằng cách sử dụng công cụ chứng nhận bản thân của gia đình phụ thuộc (chứng nhận điện tử, điện thoại di động, thẻ tín dụng)

1. Truy cập Hometax (www.hometax.go.kr) → 2. Click vào [장려금·연말정산·전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] → Click vào [연말정산간소화 (Đơn giản hóa quyết toán cuối năm)] → 3. Click vào phần 본인인증신청] (Đăng ký chứng nhận bản thân) tại mục [부양가족 자료제공 동의 신청 (Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)] → 4. Nhập thông tin cần thiết cho việc đăng ký sau đó click vào [신청하기 (Đăng ký)] → 5. Lựa chọn công cụ chứng thực bản thân (chứng nhận đơn giản hóa, chữ ký số/chứng nhận điện tử, điện thoại di động, thẻ tín dụng v.v) trong phần lựa chọn chứng nhận người sử dụng → xác nhận và đăng ký

② Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu online

1. ~ 2. như trên → 3. Click vào [온라인신청 (Đăng ký online)] trong phần [부양가족 자료제공 동의 신청 (Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)] → 4. Sau khi nhập dữ liệu cần thiết trong phần [제공동의 신청정보 입력 (Nhập thông tin đăng ký chấp thuận cung cấp)] và click vào [다음 (tiếp theo)] → 5. Tại phần [첨부서류 대상 파일 선택 (Lựa chọn đối tượng file đính kèm)], click vào mục [파일찾기 (Tìm file)] của bản sao chứng minh thư → 6. Lựa chọn file bản sao chứng minh thư và click [열기 (mở file)] → 7. Click vào [첨부서류제출하기 (Nộp hồ sơ đính kèm)]

* Trường hợp không xác nhận được quan hệ gia đình trực tuyến, cần đính kèm hồ sơ xác nhận quan hệ gia đình, người tìm kiếm dữ liệu đăng nhập và đăng ký chấp thuận cung cấp thông tin cần đính kèm giấy ủy quyền.

③ Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu qua fax

1. Click như trên → 2. Click vào [부양가족 자료제공 동의/조회] (Tìm kiếm/chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc) tại [장려금·연말정산·전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyền góp online)] → 3. Click vào [팩스신청] (đăng ký qua fax) → 4. Sau khi nhập các thông tin cần thiết vào phần [제공동의신청정보입력 (Nhập thông tin đăng ký chấp thuận cung cấp)], click vào [신청하기 및 출력하기 (Đăng ký và In)] → 5. Gửi qua fax (☎1544-7020) tờ khai đăng ký, bản sao chứng minh thư và giấy chứng nhận quan hệ gia đình

2) Phương pháp đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu qua điện thoại di động

Chỉ cho phép đăng ký khi người cung cấp dữ liệu đăng nhập vào hệ thống, khi người cung cấp và người tìm kiếm dữ liệu được xác nhận là có quan hệ gia đình theo phương pháp trực tuyến, có thể sử dụng công cụ chứng nhận bản thân (chứng nhận điện tử, điện thoại di động) để đăng ký chấp thuận cung cấp, trường hợp không xác nhận được quan hệ gia đình thì cần đính kèm giấy chứng nhận quan hệ gia đình v.v. sau đó tiến hành đăng ký.

① Trường hợp xác nhận quan hệ gia đình trực tuyến

1. Truy cập vào App Hometax và đăng nhập → 2. Chọn [장려금 · 연말정산 · 전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] → 3. Chọn [연말정산간소화 (Quyết toán cuối năm giản lược)] → 4. Chọn [제공동의 신청/취소 (Đăng ký/ Hủy chấp thuận cung cấp dữ liệu)] → 5. Chọn [제공동의 신청 (Đăng ký chấp thuận cung cấp)] → 6. Chọn [자료 제공자 정보 입력 (Nhập thông tin của người cung cấp dữ liệu)] → 7. Phương pháp chứng nhận bản thân (Chứng nhận qua điện thoại, chứng nhận bằng chứng nhận điện tử) → 8. Chứng thực bản thân → 9. Nhập thông tin của người tìm kiếm dữ liệu → 10. Chọn [다음 (Tiếp theo)]

② Trường hợp không xác nhận được quan hệ gia đình trực tuyến (người nước ngoài, thay đổi trong quan hệ gia đình như kết hôn trong 3 tháng gần đây v.v.)

1. ~ 10. giống như trên → 11. Chọn [Đăng ký nộp file] → 12. Chọn [첨부 (Đính kèm)] và lựa chọn chứng minh thư, hồ sơ xác nhận quan hệ gia đình đã được lưu trong điện thoại → 13. Chọn [증빙서류 제출 (Nộp hồ sơ chứng từ)]

3) Đăng ký trực tiếp tại Chi cục Thuế

Điền ‘Tờ khai đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế’, đính kèm thêm bản sao chứng minh thư (Thẻ đăng ký người nước ngoài) của gia đình phụ thuộc và nộp cho Chi cục Thuế gần nhất

- Tải về Tờ khai đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế

1. Truy cập Hometax (www.hometax.go.kr) → 2. Click [장려금 · 연말정산 · 전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] → 3. Click (đăng ký nộp tại Chi cục thuế) tại mục [부양가족 자료제공 동의 신청 (Đăng ký chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)] → 4. Click vào [서식 다운로드 (Tải mẫu tờ khai)]

⑤ Xem hiện trạng chấp thuận và hủy chấp thuận cung cấp dữ liệu giảm trừ trên thu nhập · tiền thuế

1. Truy cập Hometax (www.hometax.go.kr) → 2. Click [장려금 · 연말정산 · 전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] → Chọn [연말정산간소화 (Quyết toán cuối năm giản lược)] → 3. Click (부양가족 자료제공 동의 현황 조회 (Tìm kiếm thông tin chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)] hoặc đăng nhập bằng điện thoại, vào [조회/발급 (tìm kiếm/cấp chứng từ)] → vào [연말정산간소화 (Quyết toán cuối năm giản lược)] → chọn [자료동의 현황 조회 (Tìm kiếm thông tin chấp thuận cung cấp dữ liệu)] để tìm kiếm thông tin người cung cấp dữ liệu và người đã được cung cấp dữ liệu về người nộp thuế. Trường hợp đã chấp thuận cung cấp thông tin thành công nhưng sau đó quan hệ gia đình có thay đổi, nếu không cần thiết phải cung cấp dữ liệu thì vào Hometax, tại menu [장려금 · 연말정산 · 전자기부금 (Tiền khuyến khích/Quyết toán cuối năm/ Chứng từ quyên góp online)] Chọn [연말정산간소화 (Quyết toán cuối năm giản lược)] → vào (부양가족 자료제공 동의 현황 조회 (Tìm kiếm thông tin chấp thuận cung cấp dữ liệu về gia đình phụ thuộc)] để chọn [동의 취소 (hủy chấp thuận)], có thể thực hiện tương tự trên điện thoại.